TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị U, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Bùi Thị U trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống năm 2016, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh T có không chung thủy, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Bùi Bảo Châu, sinh ngày 23/02/2018, hiện tại do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị U yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

- Anh Nguyễn Văn T trình bày: Quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chị U trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do

anh cờ bạc, nên thiếu quan tâm vợ con, dẫn đến vợ chồng ly thân hơn một năm nay. Hiện tại anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp cho ly hôn, anh giao con cho vợ nuôi, do chị U không yêu cầu nên anh không cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị U và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận cho chị U ly hôn với anh T mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị U yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý. Xét thấy cháu Bảo Châu mới 30 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa cháu là con gái và đang do chị U nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về tâm sinh lý đối với bé gái dưới 36 tuổi cần giao cháu Bảo Châu cho chị U nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị U và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị U phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị U và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị U. Giao cháu Bùi Bảo Châu, sinh ngày 23/02/2018 cho chị Bùi Thị U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị U phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Chị U đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0010691 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị U có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liêu Chí Khanh